

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 7 năm 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa:
Ông Lê Nguyễn Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2019/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Minh D, sinh năm 1981; Địa chỉ: 01 Phan Đình P, phường Hải C1, quận Hải C, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Tấn H, sinh năm 1980; Địa chỉ: K304/79 Điện Biên Ph, tổ 64, phường Chính G, quận Thanh K, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Minh D trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng tôi tổ chức đám cưới từ năm 2002 nhưng đến ngày 17-3-2008 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường Chính G, quận Thanh K, TP Đà Nẵng. Vợ chồng tôi kết hôn trong điều kiện tự nguyện, không bị bất kỳ ai lừa dối hoặc bị ép buộc.

Sau khi tổ chức đám cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, chồng tôi thường xuyên bỏ nhà đi cả ngày, không biết đi đâu làm

gì. Tôi khuyên chồng phải có trách nhiệm với vợ con nhưng chồng không nghe mà gây gổ đòi đánh đập nên tôi đành phải im lặng. Thỉnh thoảng chồng tôi có đưa vài triệu nuôi con nhưng không thấm vào đâu. Sự việc nêu trên đã xảy ra từ năm này qua năm khác, kéo dài đã 10 năm nay, tôi không chịu đựng nổi nữa. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể nào hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm giữa tôi đối với chồng tôi không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với chồng tôi là ông Lê Tấn H.

Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi sinh được 02 người con có họ tên như sau:

- Lê Tấn Hoàng N, sinh ngày 14-7-2002;
- Lê Tấn Hoàng V, sinh ngày 20-5-2013.

Tòa giải quyết cho vợ chồng tôi ly hôn thì tôi nuôi cháu Lê Tấn Hoàng V và ông Lê Tấn H nuôi cháu Lê Tấn Hoàng N. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Minh D có thay đổi về quan hệ con chung. Bà D xin được nuôi cả hai con chung là Lê Tấn Hoàng V và Lê Tấn Hoàng N; yêu cầu ông Lê Tấn H cấp dưỡng nuôi con chung cho hai cháu là 5.000.000 đồng/ 1 tháng.

* Đối với Bị đơn - ông Lê Tấn H: Từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử không có mặt theo triệu tập; thông báo của Toà án, không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tham gia các phiên hoà giải và cũng không tham gia phiên tòa nên không có ý kiến lưu hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xử cho bà Nguyễn Thị Minh D được ly hôn với ông Lê Tấn H; giao cả hai con chung là Lê Tấn Hoàng V và Lê Tấn Hoàng N cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng; ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/ 1 tháng/ 1 cháu; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Lê Tấn H đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Theo nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Minh D trình bày thì bà và ông Lê Tấn H cưới nhau vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND phường Chính G, quận Thanh K, TP Đà Nẵng. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là ông H thường xuyên bỏ nhà đi, không có trách nhiệm với vợ con. Sự việc kéo dài đã 10 năm nay, bà Nguyễn Thị Minh D không chịu đựng được nữa, tình cảm của bà đối với chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Lê Tấn H.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Cuộc hôn nhân của bà Nguyễn Thị Minh D và ông Lê Tấn H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Đến nay, bà D cho rằng không chấp nhận được lối sống và không còn tình cảm với ông H nữa nên có quyền làm đơn khởi kiện xin ly hôn là đúng quy định của pháp luật. Về phía ông H không tham gia tố tụng dù Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ - Điều này thể hiện ông Lê Tấn H cũng đã không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy vợ chồng bà D ông H trong thời gian sống chung có phát sinh mâu thuẫn, xảy ra cãi vã, nay bà D đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống.

[4] Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của bà D ông H đã đến mức trầm trọng, hôn nhân thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh D.

[5] Về quan hệ con chung: Theo bà Nguyễn Thị Minh D thì trong quá trình chung sống, vợ chồng bà sinh được 02 người con là Lê Tấn Hoàng N, sinh ngày 14-7-2002 và Lê Tấn Hoàng V, sinh ngày 20-5-2013. Khi ly hôn, bà D có yêu cầu được nuôi cả hai con chung và yêu cầu ông Lê Tấn H cấp dưỡng nuôi hai con 5.000.000đ/ 1 tháng.

[6] Đối với ông Lê Tấn H vắng mặt nên không có ý kiến con chung. Tuy nhiên xét hoàn cảnh thực tế của các đương sự thì thấy: Hiện nay, cả hai con chung đang sống chung với bà D. Các cháu vẫn học tập và sinh hoạt bình thường. Cháu Lê Tấn Hoàng N trình bày ý kiến xin được sống chung với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định hiện nay của các con chung, cũng như nguyện vọng của cháu Nam; Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cả hai con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của nguyên đơn: Do bị đơn không tham gia tố tụng, nguyên đơn không chứng minh được thông tin về nghề nghiệp, mức thu nhập của ông Lê Tấn H nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con của một người lao động phổ thông là 1.500.000đ/ 1 tháng/ 1 cháu.

[8] Về quan hệ tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Minh D trình bày tài sản chung và nợ chung không có. Bị đơn là ông Lê Tấn H vắng mặt nên không có ý kiến về quan hệ này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Về vấn đề án phí: Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Minh D phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình và Bị đơn - ông Lê Tấn H phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

[10] Xét các đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 63, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" của bà Nguyễn Thị Minh D đối với ông Lê Tấn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh D được ly hôn với ông Lê Tấn H.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 44/2008 ngày 17 tháng 3 năm 2008 của UBND phường Chính G, quận Thanh K, TP Đà Nẵng.)

2. Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Minh D và ông Lê Tấn H có 02 con chung tên là Lê Tấn Hoàng N, sinh ngày 14-7-2002 và Lê Tấn Hoàng V, sinh ngày 20-5-2013.

Giao cả hai con chung là Lê Tấn Hoàng N và Lê Tấn Hoàng V cho bà Nguyễn Thị Minh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Lê Tấn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/ 1 tháng/ 1 cháu, thời gian thực hiện bắt đầu từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Minh D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0004469 ngày 10 tháng 01 năm 2019.

- Ông Lê Tấn H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

4. Người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND P.Chính G, Q.Thanh K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai